TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v : *"Kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tìm;
2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 29/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - Tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST ngày 26/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Công ty thiết bị điện tử, khu công nghiệp T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Công ty dệt len, Khu công nghiệp T, Hải Phòng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 22/5/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Hồng T trình bầy:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Hoàng Xuân H từ tháng 10/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải

Dương. Trong cuộc sống vợ chồng luôn có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh H ham chơi cờ bạc không quan tâm tới vợ con, đã có lần bị Tòa án xử phạt tù về tội đánh bạc nhưng nay vẫn không thay đổi. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh H sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị từ tháng 12/2015 để đi làm công ty, và do vợ chồng mâu thuẫn nên anh Hđã tự bỏ về quê thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 10/2016 đến nay mà không phải do chị hay ai đó đuổi. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10/2016 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, anh H chưa một lần đến tìm, động viên chị đoàn tụ, chị hiểu anh H chỉ quan tâm đến bản thân mình chứ vợ con thì anh không bao giờ quan tâm tới. Do ly thân đã quá lâu nên không ai còn niềm tin với ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 07/8/2012. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân Công ty TNHHBUCHEON VIỆT NAM, mức lương khoảng 6 triệu đồng/tháng và chị cũng đã được gia đình cho riêng một thửa đất để làm nhà ở.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh H tình bầy:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn từ tháng 10/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh có nhiều lúc ham chơi không quan tâm tới vợ con. Do đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh sinh sống tại nhà bố đẻ chị T từ tháng 12/2015 và do vợ chồng mâu thuẫn nên anh đã tự bỏ về quê thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 10/2016 đến nay mà không phải do chị T hay ai đó đuổi. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10/2016 đến nay.

Dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, có nhiều lần chị T và anh cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đên nay nhưng do anh vẫn còn yêu thương vợ mình và muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 07/8/2012, nếu ly hôn thì ai nuôi con anh cũng đồng ý. Anh cũng có thể nuôi con do hiện anh đang làm công nhân công ty dệt len với mức lương 4.200.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh H; chị T xác định vợ chồng có có một con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 07/8/2012, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh H vắng mặt và không có ý kiến gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Áp dụng Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Hoàng Phương L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành có đủ cơ sở xác định:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Hoàng Xuân H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, không có sự chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, anh H ham chơi cờ bạc không quan tâm tới vợ con, đã có lần bị Tòa án xử phạt tù về tội đánh bạc nhưng nay vẫn không thay đổi. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh

tế từ tháng 10/2016 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, anh H chưa một lần đến tìm, động viên chị T đoàn tụ, chứng tỏ anh không còn tình cảm hay lưu luyến gì đối với chị T. Nay chị T xin được ly hôn anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh H cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

2/ *Về con chung:* Vợ chồng chị T và anh H có có một con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 07/8/2012. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; quá trình giải quyết vụ án, anh H ý kiến ai nuôi con anh cũng đồng ý. Xét việc chị T có công việc và thu nhập ổn định, anh H không thiết tha với việc nuôi con, nên giao cháu Hoàng Phương L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh H và chị T cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu L, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ *Về tài sản chung:* Chị T không yêu cầu giải quyết; quá trình giải quyết vụ án anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa anh vắng mặt nên nên không giải quyết về tài sản chung.

4/ *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng T xin được ly hôn anh Hoàng Xuân H. Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Hoàng Xuân H.

3/ Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 07/8/2012. Giao cháu Hoàng Phương L cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2016/0000540 ngày 06/6/2017.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh H. Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh H, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung